

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 01/1999/TT-TCHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về thủ tục hải quan quy định tại Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/03/1999 của Chính phủ

Ngày 27/03/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/1999/NĐ-CP về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan. Nghị định đã quy định đầy đủ, rõ ràng, cụ thể thủ tục hải quan và giám sát hải quan.

Để Hải quan các địa phương hiểu và thực hiện thống nhất các quy định trong Nghị định, thi hành Điều 39 của Nghị định, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thêm việc thực hiện một số quy định tại các Chương I, II về thủ tục hải quan (trừ Điều 10, Điều 21 sẽ có hướng dẫn riêng) như sau:

I. VỀ ĐỊA ĐIỂM LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN, ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA HẢI QUAN VÀ THỜI HẠN LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan và địa điểm kiểm tra hải quan quy định tại Điều 4:

1.1. Ngoài các địa điểm được phép làm thủ tục hải quan đã quy định cụ thể trong Nghị định, còn có các địa điểm làm thủ tục hải quan khác ngoài cửa khẩu do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Các địa điểm này có tổ chức, bộ máy hải quan hoạt động như một đơn vị Hải quan cửa khẩu và được phép làm thủ tục hải quan cho tất cả các loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi có yêu cầu của người làm thủ tục hải quan (kể cả các loại hàng hóa nhập khẩu có thuế nhập khẩu quy định tại Điều 3 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu);

1.2. Địa điểm kiểm tra hải quan ngoài cửa khẩu là các địa điểm kiểm tra hải quan do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định thành lập theo vùng. Các địa điểm kiểm tra hải quan ngoài cửa khẩu thuộc loại này cũng có tổ chức bộ máy hải quan hoạt động như một đơn vị Hải quan cửa khẩu và được phép làm thủ tục hải quan đối với tất cả các loại hàng hóa xuất nhập khẩu, trừ hàng hóa kinh doanh nhập khẩu có thuế nhập khẩu quy định tại Điều 3, Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ;

1.3. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển tiếp về các địa điểm nói tại điểm 1.1. và điểm 1.2. cũng như các hoạt động tại các địa điểm này thực hiện theo đúng quy chế về địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu và hàng hóa xuất nhập khẩu chuyển tiếp do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành;

2. Thời hạn làm thủ tục hải quan quy định tại Điều 5:

2.1. Đối với hàng nhập khẩu:

- Hàng nhập khẩu bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu dỡ hàng ghi trên vận tải đơn, người làm thủ tục hải quan phải đến cơ quan Hải quan làm thủ tục. Ngày hàng hóa đến cửa khẩu dỡ hàng là ngày Hải quan cửa khẩu dỡ hàng (Hải quan cảng biển, Hải quan sân bay, Hải quan ga liên vận biên giới) đóng dấu xác nhận hàng đến cửa khẩu lên lược khai hàng hóa (Manifest);

- Hàng nhập khẩu bằng đường bộ, đường sông: Ngày hàng đến cửa khẩu nhập đầu tiên là ngày Hải quan cửa khẩu tiếp nhận và đăng ký hồ sơ do người làm thủ tục hải quan nộp và xuất trình.

2.2. Đối với hàng xuất khẩu:

Người làm thủ tục hải quan phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất hàng trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh, chậm nhất là:

- 08 giờ đối với hàng vận chuyển bằng đường biển;
- 04 giờ đối với hàng vận chuyển bằng đường sông;
- 04 giờ (tại ga gửi hàng) đối với hàng vận chuyển bằng đường sắt;
- 04 giờ đối với hàng vận chuyển bằng đường bộ;

- 02 giờ đối với hàng vận chuyển bằng đường hàng không.

Thời hạn làm thủ tục hải quan quy định như nêu trên là quy định chung, nhưng với những trường hợp cụ thể, Trưởng Hải quan cửa khẩu hoặc cấp tương đương căn cứ vào thực tế lô hàng xuất khẩu để quyết định thời hạn làm thủ tục hải quan thích hợp, nhưng thủ tục hải quan phải được hoàn thành trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh 01 giờ;

2.3. Máy bay quá cảnh dừng kỹ thuật được hiểu là máy bay quá cảnh dừng ở sân bay để tiếp nhiên liệu, sửa chữa hoặc vì lý do bất khả kháng khác. Máy bay quá cảnh dừng kỹ thuật không lấy khách, lấy hàng và cũng không trả khách, trả hàng tại sân bay tạm dừng.

II. MỘT SỐ HƯỚNG DẪN CỤ THỂ VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1. Khai báo, tiếp nhận hồ sơ hải quan quy định tại Điều 6 :

1.1. Người ký tên trên tờ khai hải quan:

- Người đại diện hợp pháp (Giám đốc, phó giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền bằng văn bản) cho doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu;
- Người đại diện hợp pháp (Giám đốc, phó giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền bằng văn bản) cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu ủy thác;
- Người đại diện hợp pháp (Giám đốc, phó giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền bằng văn bản) cho doanh nghiệp làm dịch vụ thủ tục hải quan;

Người ký tên trên tờ khai hải quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trong tờ khai hải quan do mình ký tên.

1.2. Trách nhiệm của người khai báo hải quan:

- Chuẩn bị các loại chứng từ hợp lệ, hợp pháp của lô hàng theo đúng quy định và các điều kiện có liên quan khác để hoàn chỉnh việc khai báo hải quan trước khi đến cơ quan Hải quan làm thủ tục xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa;
- Tự khai báo đầy đủ, chính xác hàng hóa thực tế theo các nội dung quy định tại phần dành cho người khai báo trong tờ khai hải quan;

- Tự xác định mã số hàng hóa, thuế suất, giá tính thuế của từng mặt hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu, tự tính số thuế phải nộp của từng loại thuế trên tờ khai hải quan;
- Tự xếp hồ sơ vào nơi Hải quan quy định phân luồng hàng hóa theo tiêu chí; đăng ký thời gian xuất trình hàng hóa để Hải quan kiểm tra khi đăng ký hồ sơ hải quan;
- Việc khai báo trên tờ khai hải quan có thể được thực hiện bằng đánh máy chữ, máy vi tính, hoặc viết tay nhưng phải bảo đảm cùng một loại mực (không dùng mực đỏ), cùng một kiểu chữ. Các chứng từ nộp cho Hải quan nếu quy định là bản sao thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải ký và đóng dấu xác nhận lên chứng từ đó;
- Ký tên, đóng dấu vào tờ khai sau khi khai báo đầy đủ các tiêu chí trên tờ khai; nộp tờ khai cùng các chứng từ khác theo quy định trong Nghị định 16/1999/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn này cho Hải quan nơi làm thủ tục;
- Phát hiện, phản ánh kịp thời, trung thực những việc làm không đúng quy định, những tiêu cực của cán bộ, nhân viên hải quan.

1.3 Hồ sơ hải quan nộp và xuất trình khi làm thủ tục hải quan:

a) Đối với hàng xuất khẩu:

- Giấy tờ phải xuất trình (chỉ đối với hàng xuất khẩu có điều kiện):
 - + Văn bản cho phép xuất khẩu của Bộ Thương mại hoặc Bộ quản lý chuyên ngành: 01 bản chính để đối chiếu với bản sao phải nộp;
- Giấy tờ phải nộp:
 - + Tờ khai hải quan hàng xuất khẩu: 03 bản chính;
 - + Hợp đồng mua bán ngoại thương hoặc giấy tờ có giá trị tương đương như hợp đồng: 01 bản sao;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký mã số doanh nghiệp (chỉ nộp một lần khi đăng ký làm thủ tục cho lô hàng đầu tiên tại mỗi điểm làm thủ tục hải quan): 01 bản sao;
- Đối với các trường hợp sau đây thì phải nộp thêm:
 - + Hàng không đồng nhất: 03 bản chính Bản kê chi tiết hàng hóa;
 - + Hàng xuất khẩu ủy thác: 01 bản sao Hợp đồng ủy thác xuất khẩu;

+ Hàng xuất khẩu có điều kiện: 01 bản sao Văn bản cho phép của Bộ Thương mại hoặc Bộ quản lý chuyên ngành;

b) Đối với hàng nhập khẩu:

- Giấy tờ phải xuất trình (chỉ đối với hàng nhập khẩu có điều kiện):

+ Văn bản cho phép nhập khẩu của Bộ Thương mại hoặc Bộ quản lý chuyên ngành:
01 bản chính để đối chiếu với bản sao phải nộp;

- Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu: 03 bản chính;

+ Hợp đồng mua bán ngoại thương hoặc giấy tờ có giá trị tương đương như hợp đồng: 01 bản sao;

+ Vận tải đơn: 01 bản sao;

+ Hóa đơn thương mại: 01 bản chính và 02 bản sao;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký mã số doanh nghiệp (chỉ nộp một lần khi đăng ký làm thủ tục cho lô hàng đầu tiên tại mỗi điểm làm thủ tục hải quan): 01 bản sao;

- Đối với các trường hợp sau đây thì phải nộp thêm:

+ Hàng nhập khẩu ủy thác: 01 bản sao Hợp đồng ủy thác nhập khẩu;

+ Hàng nhập khẩu có điều kiện: 01 bản sao Văn bản cho phép của Bộ Thương mại hoặc Bộ quản lý chuyên ngành;

+ Hàng không đồng nhất: 01 bản chính và 02 bản sao Bản kê chi tiết hàng hóa;

+ Đối với hàng hóa của nước được Việt Nam cho hưởng ưu đãi theo xuất xứ: 01 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);

+ Hàng hóa Nhà nước quy định kiểm tra về chất lượng: 01 bản chính Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng;

+ Hàng hóa cần phải kiểm dịch: 01 bản chính Giấy đăng ký kiểm dịch;

+ Hàng phải kiểm tra an toàn lao động (nếu có quy định): 01 bản chính Giấy chứng nhận về an toàn lao động;

1.4. Trách nhiệm của Hải quan tiếp nhận hồ sơ:

- Tiếp nhận hồ sơ do người làm thủ tục hải quan nộp và xuất trình;